TƯ LIỆU

KỶ NIỆM 130 NĂM NGÀY THẤT THỦ KINH ĐÔ HUẾ

LTS: Vào đêm mùng 4 rạng sáng mùng 5 tháng 7 năm 1885 (đêm 22 rạng sáng 23 tháng Năm năm Ất Dậu), quân đội triều đình nhà Nguyễn dưới sự chỉ huy của Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đã tổ chức một trận tấn công quy mô đánh úp quân Pháp đồn trú ở kinh đô Huế, nhằm tiêu diệt bộ phận đầu não của quân Pháp tại Trung Kỳ (với sự có mặt của Thống sứ De Courcy), mở đầu cho công cuộc chống Pháp mà phe chủ chiến đã dày công chuẩn bị từ nhiều năm trước. Mặc dù có ưu thế hơn hẳn về lực lượng lẫn yếu tố bất ngờ nhưng cuộc tấn công của quân đội Nam triều nhanh chóng thất bại thảm hại và tháo chạy hoảng loạn trước hỏa lực tối tân của quân Pháp. Chỉ sau vài giờ phản kích, quân Pháp đã chiếm trọn Kinh Thành Huế. Kinh đô Huế thất thủ. Nhà cửa, dinh thự, sách vở bị đốt cháy; ngân khố, kho tàng, bảo vật trong Hoàng cung và lăng tẩm bị cướp bóc trắng trợn; hàng ngàn người - cả quân và dân - phần do bị quân Pháp giết hại, phần thì dẫm đạp lên nhau mà chết do tranh nhau thoát ra các cửa thành, gây bao cảnh tang tóc kinh hoàng và mất mát đau thương cho kinh đô Huế. Từ đó, hàng năm, cứ đến ngày 23 tháng Năm âm lịch, người dân Huế lại tổ chức lễ cúng tưởng niệm các nạn nhân xấu số đã bỏ mình trong cuộc chiến đẫm máu ấy (dân gian quen gọi là lễ cúng âm hồn). Nhân kỷ niệm 130 năm ngày thất thủ kinh đô Huế (1885-2015), mục Tư liệu kỳ này xin trích đăng lời kể của những người trong cuộc qua 2 tác phẩm *Lô Giang tiểu sử* và *Cai dư kỷ thực*, là những tư liệu chưa được nhiều người biết đến.

SỰ BIẾN THẤT THỦ KINH ĐÔ HUẾ QUA TÁC PHẨM *LÔ GIANG TIỂU SỬ* CỦA TIỂU CAO NGUYỄN VĂN MẠI

Giới thiệu

Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại (1858-1945) người làng Niêm Phò (tên Nôm là Kẻ Lừ) nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đỗ Phó bảng năm 1885, làm quan đến hàm Thượng thư, Thái tử Thiếu bảo, Hiệp tá Đại học sĩ. Theo Giáo sư Đoàn Khoách thì "*Lô Giang tiểu sử* là một pho tự truyện [của Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại] gồm 5 quyển, thuật lại học vấn, kiến thức, lịch duyệt, tri ngộ của tác giả từ nhỏ đến năm bảy mươi lăm tuổi, nhỏ từ chuyện bản thân, lớn đến chuyện quốc gia xã hội, mỗi mỗi đều thấy chép. Sách ký sự mà đậm màu sắc văn chương, lại lấy văn chương làm bối cảnh cho lịch sử, nên đương thời *Lô Giang tiểu sử* được quý vị bình duyệt nổi tiếng rất ngợi khen". Cũng theo GS Đoàn Khoách, vào năm 1961, *Lô Giang tiểu sử* đã được người con trai thứ tư của cụ Tiểu Cao là GS Nguyễn Hy Xước dịch ra Quốc ngữ, in ronéo và phổ biến trong gia tộc. Đến cuối năm 1972, một bản dịch *Lô Giang tiểu sử* đã được sửa chữa cẩn thận và bổ sung đầy đủ, cùng với nguyên bản Hán Nôm, được GS Nguyễn Hy Xước gởi cho Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa ở Sài Gòn để chuẩn bị xuất bản. Nhưng mãi đến tháng Tư 1975, vẫn chưa thấy sách được in ra. Thế là nguyên bản Hán Nôm lẫn bản dịch *Lô Giang tiểu sử* từ đó không biết đã đi về đâu! May mắn là sau đó, con cháu đã sưu tầm được bản gốc của bộ Lô Giang từ di cảo của cụ Tiểu Cao và bảo tồn trong tủ sách gia đình. (Theo *Tập lưu niệm về cụ Tiểu Cao và hậu duệ*, do con cháu cộng tác thực hiện, lưu hành trong gia tộc, trang 260).

Hy vọng trong thời gian tới, tập tư liệu quý giá này sẽ sớm được xuất bản để phục vụ nhu cầu tham khảo của bạn đọc. Nhân kỷ niệm 130 năm ngày thất thủ kinh đô Huế, chúng tôi xin trích đoạn cụ Tiểu Cao kể lại sự kiện bi thảm này qua bản dịch của GS Nguyễn Hy Xước, bản in ronéo năm 1961, trang 34-38. Phần chú thêm trong dấu ngoặc vuông [ ] và cước chú cuối trang là bổ chú của ban biên tập. *NC&PT*.

LÔ GIANG TIỂU SỬ (trích)

.....

Năm 28 tuổi (Ất Dậu, 1885)

Ngày tháng Tư vào thi Hội, đậu hạng thứ trúng cách (Phó bảng) thứ 10. Chủ khảo khoa thi ấy là ông Phạm Thận Duật, Thượng thơ Bộ Hình. Phó Chủ khảo là ông Nguyễn Đình Tựu, Tế tửu; Tri cống cử là ông Lê Trinh, Tham biện Nội Các.

[Lược một đoạn kể tên các vị thi đỗ]

Đến ngày 15 tháng 5 vào thi Đình, ngày 24 vua Hàm Nghi chạy. Kinh Thành thất thủ.

Vua là con nuôi thứ tư đức Tự Đức.[1] Khi vua Hiệp Hòa mất, ngài mới 14 tuổi. Các quyền thần muốn lợi dụng ấu chúa, bèn rước mà lập lên. Sau khi đã ký hòa ước năm Giáp Thân [06/6/1884] rồi, Tôn Thất Thuyết không chịu qua Tòa [Khâm sứ] mà thương thuyết. Vì binh quyền trong tay, thế như cỡi cọp, không thể xuống được, y muốn liều một trận. Nguyễn Văn Tường ngoài mặt tuy chủ hòa, mà bề trong một lòng với Thuyết. Vì vậy mà lập đồn Tân Sở ở Cam Lộ, thượng du tỉnh Quảng Trị, để dời vàng bạc châu báu. Lại đổi trường văn thí Thiên Mộ về địa phận La Chữ, dân phu làm việc ngày đêm không ngớt. Người người đều biết là để tương lai làm chỗ tạm trú nếu xảy ra chiến tranh. Trong hai năm vừa qua, lại thấy Tôn Thất Thuyết tập lính và thêm vây cánh. Bên Pháp thì sau khi có hòa ước bảo hộ, lại tăng thêm quân lính ở Trấn Bình Đài, đào hào, đặt súng. Thế là hai bên không thể không đánh nhau được.

Lúc đó ta vào thi Đình xong, cùng với anh Trần Đạo Tiềm đến Bộ Lễ để chờ kết quả kỳ thi, thì thấy trong thành, từ Trấn Bình Đài cho đến Lục Bộ hai bên đường đều đào hào, lính các trại đều mang gươm súng sẵn sàng, trước các trại lính đều thấy chất đầy những thùng chứa cột chuối để phòng bị. Hai bên đường từ Trấn Bình Đài mà ra chất đầy những đống trái bàng và mù u. Trong thành và ngoài phố, dân gian và quan viên đều lục tục dời vợ con và của cải về quê. Trong thành có lệnh giới nghiêm, người qua đường chỉ nhìn nhau mà không dám nói chi. Anh Trần Đạo Tiềm nói với ta rằng: Xưa ông Văn Thiên Tường bái tướng, khi thế nước đã đến lúc nguy vong mà thân gánh nặng ba trăm năm cơ nghiệp nhà Tống. Chúng ta đăng khoa ngày nay cũng là một sự bất hạnh vậy. Nói rồi dắt tay nhau về quê.

Vào khoảng 8 giờ đêm hôm ấy,[2] bỗng nghe tiếng súng như sấm, ngó qua phía đông Kinh Thành lửa sáng ngập trời, đến 4 giờ sáng, chỉ nghe súng tay liên tiếp như pháo nổ. Vua Hàm Nghi chạy.

---

1 Vua Tự Đức chỉ nhận ba người cháu làm con nuôi là: Nguyễn Phúc Ưng Chân (vua Dục Đức) con của Thụy Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Y; Nguyễn Phúc Ưng Thị (vua Đồng Khánh) và Nguyễn Phúc Ưng Đăng (vua Kiến Phúc) là con trưởng và con thứ 3 của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai. Vua Hàm Nghi (Nguyễn Phúc Ưng Lịch) là con thứ 5 của Kiên Thái Vương. Theo một vài tài liệu, sau khi lên ngôi, vua Hàm Nghi mới được bà Học phi Nguyễn Thị Hương nhận làm con nuôi.

2 Theo đa số tài liệu, cuộc tấn công của quân đội triều Nguyễn xảy ra vào khoảng 1 giờ ngày 05/7/1885 (ngày 23 tháng Năm năm Ất Dậu) và kéo dài đến khoảng 8 giờ ngày hôm ấy thì kinh đô Huế hoàn toàn thất thủ.

Đêm ấy tại các xã thôn quanh thành người thì rủ nhau đi coi, người thì lo chôn cất của cải, kẻ thì chồng dắt vợ, cha mẹ dắt con kêu khóc, có kẻ lại chực các cửa thành để giựt gói của người chạy loạn. Ấy là cái cảnh tượng ở ngoài thành, không tả hết được.

Bảy giờ đêm hôm ấy, trước khi giao chiến thì Tôn Thất Thuyết mật phái một toán quan quân đến vây Tòa Sứ, còn quân lính trong thành đều chủ lực về mặt bắc Trấn Bình Đài, và để lại trại không. Đến giờ bắt đầu giao chiến, quân ta bắn trước mà quân Pháp chỉ bắn trả mà thôi. Bên kia sông quân ta bắn, không nghe Pháp bắn lại, tưởng là có phục binh không dám vào sâu. Trong thành quân ta bắn tiếp vào Trấn Bình Đài từ 8 giờ đêm cho đến 1 giờ sáng, nghe trong đài ít bắn ra, quân ta áp vào và la to: Đã áp vào Trấn Bình Đài rồi. Tiếng la như sấm. Không ngờ khi quân ta bắn thì quân Pháp đều núp xuống hầm để đợi, chỉ thỉnh thoảng bắn trả ít thôi. Đến 3 giờ sáng, quân Pháp nghe chừng quân ta bắn sưa [thưa] ra và sắp áp vào Trấn Bình Đài thì họ vùng dậy bắn cả một loạt, quân ta thuốc đạn ít, không địch nổi, đua nhau mà chạy, quân Pháp đuổi theo và bắn chỉ thiên.

Quân ta nghe tiếng súng không biết ngả nào, đạp nhau mà chết trong hào hoặc giữa đường, người trước bước lên mù u té ngã, người sau đạp lên mà chết hàng ngàn. Trước kia đào hào, rải mù u lên đường, chủ ý là để hại quân Pháp mà hóa ra làm hại quân ta. Tại các cửa thành, trai gái già trẻ, người mang của kẻ bế con tranh nhau mà ra, người trước ngã người sau đạp lên, thây liệt đầy đường. Sáng hôm sau các ông tân khoa người Bắc vào thi Đình chạy về nhà ta kể cho ta rõ cảnh tượng Kinh Thành đêm hôm ấy.

Lúc biến xảy ra, vua Hàm Nghi không hề biết trước, đến khi nghe tiếng súng, vua chạy đến Lưỡng cung[1] ôm nhau mà khóc. Trong cung tiếng khóc nghe ra đến ngoài. Lưỡng cung truyền triệu đại thần vào hỏi. Ông Nguyễn Văn Tường vào tâu rằng: "Việc xảy ra do Ông Tướng[2] chấp chưởng binh quyền trong tay, chúng tôi không biết làm sao đặng. Sáng mai thần xin qua Tòa Sứ điều đình. Vạn nhứt có sự chi xảy ra thì đã có dự sẵn hai dinh là La Chữ và Tân Sở làm chỗ nghỉ chân để đợi thời cơ. Vả lại Pháp tuy mạnh mà có lòng khoan, trước kia dầu đánh hơn các nước thế nào đi nữa cũng không hề động đến vua chúa. Trên nhờ linh của Liệt thánh, dưới nhờ sức của ba quân, xin Bệ hạ hãy an tâm". Đêm ấy Nguyễn Văn Tường ra vào Đại Nội đến hai ba lần. Đến khi nghe quân ta đại hô "Quân ta đã hãm Trấn Bình Đài rồi", thì trong cung mới hơi yên. Bất ngờ đến 4 giờ sáng, quân ta thua chạy. Tôn Thất Thuyết địch không nổi, bèn chạy vào trong cung phong quốc ấn lại, tâu xin Lưỡng cung cùng đức Hàm Nghi lên kiệu, cung nhơn cùng thị vệ, thái giám, nội binh hầu theo, Tôn Thất Thuyết hộ giá, do cửa Chánh Tây mà ra, qua sông rồi đi thẳng đến dinh La Chữ nghỉ chân. Quan quân theo hộ giá ước hơn 500 người. (Lúc ta vào làm việc tại Viện,[3] các thái giám và nữ cung thuật lại cho ta rõ khoản ấy). Đêm ấy ông Nguyễn Văn Tường vào ra Đại Nội, rồi về dinh sắp đặt. Đến 4 giờ sáng nghe quân ta bại, hốt hoảng chạy vào [Đại] Nội thì Thuyết đã hộ giá vua và Lưỡng cung đi rồi, ông ta bèn cùng Hình Bộ đại thần là Phạm Thận Duật ra cửa

---

1 Lưỡng cung ở đây chỉ hai bà Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu (vợ vua Thiệu Trị) và Lệ Thiên Anh Hoàng hậu (vợ chính vua Tự Đức).

2 Chỉ Tôn Thất Thuyết.

3 Ngày 15 tháng Hai năm Đinh Hợi (1887), Nguyễn Văn Mại được bổ làm Hàn Lâm Viện Điển tịch, lãnh Tư vụ Bộ Lại sung Hành tẩu Viện Cơ Mật. *Lô Giang tiểu sử*, Nguyễn Hy Xước dịch, bản in ronéo 1961, quyển Hạ, trang 54.

Chánh Tây, lên nhà ông Giám mục Tây tên là Lục ở tại nhà thờ Kim Long. Hai ông đến đó thì trời đã sáng, cùng với vài ba ông quan khác ghé vào nhà tên Dậu [? Bản in bị mờ, không rõ chữ], ở trước cửa nhà thờ, đòi xin vào nói chuyện với Giám mục. Một lúc sau vào nhà thờ xin nhờ Giám mục làm trung gian để thương thuyết. Giám mục bằng lòng. Đến 8 giờ sáng, ông Nguyễn Văn Tường, ông Phạm Thận Duật cùng ông Giám mục qua Tòa Sứ. Khâm sứ thuận lấy Thương Bạc để tạm làm chỗ giao thiệp. Và yêu cầu rước Hoàng đế về kinh rồi sẽ giao lại thành trì như cũ. Các quan đều giao cho võ quan Pháp ở Trấn Bình Đài canh gác. Nguyễn Văn Tường[1] thương thuyết xong về Thương Bạc triệu tập một vài quan triều và Cơ Mật, Thương Bạc để làm việc, còn thì giải tán.

Sáng ngày 24 ngự giá đến trường La Chữ tạm nghỉ. Cơm nước xong đi đến Văn Xá, vào yết nhà thờ họ Trần là ngoại từ đường, rồi do đường quan ra Quảng Trị nghỉ lại. Sáng hôm sau tiếp các ông Hoàng thân ở trong kinh phái ra nghênh giá. Lưỡng cung thuận, Tôn Thất Thuyết bất đắc dĩ cũng để Lưỡng cung về tạm trú tại Khiêm Lăng. Đến như rước vua hồi loan thì Tôn Thất Thuyết nhất định không chịu và hộ giá lên Tân Sở tại Cam Lộ nghỉ lại. Quan tỉnh cùng phái bộ ở kinh ra cũng không làm sao được. Đến khi nghe tin quân Pháp đi xà-lúp do sông Vĩnh Định ra Quảng Trị để chận đường thì Tôn Thất Thuyết hộ giá [vua] do đường thượng du đi ra Bắc.

Tối thảm là sau khi thất thủ, trong Kinh Thành những người bệnh tật, người già cả, trẻ con và những người làm việc còn lại trong thành không ra được kịp, cho nên lính Pháp canh giữ các cửa thành không cho ai ra vào được nữa. Trong thành thây chết rất nhiều, gặp lúc nắng, hơi thối bốc lên không thể chịu được. Lính Tây bắt những người còn lại trong thành, bất cứ hạng nào, đều phải gánh xác chết đi chôn, không gánh nổi thì bị đập đánh. Xác chết nổi trong hồ cũng nhiều. Gánh xác chết một tuần như thế, từ sáng đến tối không hở một khắc. Người chưa chết cũng không chịu nổi mà chết theo. Quan viên ngũ phẩm, lục phẩm, ông già bảy tám mươi tuổi cũng phải gánh thây cho xong hết mới được về. Trong một năm kẻ chài không dám đánh cá ở các hồ trong Kinh Thành. Đó là các thảm trạng sau khi Kinh Thành thất thủ. Ngày nay dân ở Kinh Thành cứ đến ngày 23 tháng 5 [âm lịch] thì quyên tiền bạc, thiết đàn làm chay, làm ngày kỷ niệm lớn vậy.

Ngày 28 tháng 7 năm ấy, ông Nguyễn Hữu Độ, Tổng đốc Hà Ninh, ông Phan Đình Bình, Tổng đốc Nam Định cùng với ông Toàn quyền Pháp đáp tàu thủy từ Hà Nội về cửa Thuận An mà vào kinh, rước con đầu [của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai là] ông Kiên Giang [quận công], con nuôi [của] đức Tự Đức lên ngôi, lấy từ tháng 8 năm ấy sắp tới làm [niên hiệu] Đồng Khánh năm Ất Dậu.

Ông hoàng Kiên Giang được đức Tự Đức nuôi làm con nuôi, cho ở tại nhà Diệt Thiện[2] trong thành. Vua Dục Đức bị phế, vua Kiến Phúc băng, vua Hàm Nghi chạy, Kinh Thành thất thủ, ngài ẩn trong dân gian. Đến khi Lưỡng cung về tại Khiêm Lăng thì ngài lui tới thăm viếng, đến lúc đó đình thần lập lên nối ngôi.

---

1 Bản dịch đánh máy nhầm là Tôn Thất Thuyết, chúng tôi chỉnh lại như trên.

2 Ở đây có sự nhầm lẫn, Nguyễn Phúc Ưng Thị (còn có tên là Ưng Đàng, Ưng Kỷ, húy là Biện, tức vua Đồng Khánh) được vua Tự Đức nhận làm con nuôi, phong là Kiên Giang quận công, cho ở Chính Mông Đường để học hành, nên thường được gọi là ngài Chính Mông. Nguyễn Phúc Ưng Đăng (còn có tên là Ưng Hổ, húy là Hạo, tức vua Kiến Phúc) được vua Tự Đức nhận làm con nuôi và cho ở tại Dưỡng Thiện Đường, nên còn được gọi là ngài Dưỡng Thiện.

Dưới triều Tự Đức, ông Nguyễn Hữu Độ đang làm quan tại kinh, sung chức Bắc Kỳ quân vụ. Sau khoản giảng hòa bốn tỉnh, thì cải bổ làm Bố chánh tỉnh Hà Nội. Ông giao thiệp rất thạo, được lòng bên Pháp. Lúc chức Tổng đốc Hà-Ninh bị khuyết, phủ Toàn quyền bổ ông vào chức ấy. Triều đình nghi kỵ, vua Hiệp Hòa nhiều lần triệu ông về kinh. Ông không chịu, lấy cớ rằng việc tỉnh bề bộn mà xin ở Bắc. Triều đình bất đắc dĩ cũng thuận theo. Trong chiếu lưu ông ở lại Bắc Kỳ có câu:

兒飛雁集, 無關損益於江河

Phù phi nhạn tập, vô quan tổn ích ư giang hà

[Con le le bay đi, con nhạn đậu lại, không thêm bớt gì bên sông] do tay ông Nguyễn Văn Tường thảo, ông ta lấy làm căm tức.

Con gái trưởng của ông Phan Đình Bình là chánh phi của đức Dục Đức, vì vậy mà giận ông Tường về việc phế lập. Đến khi nghe tin kinh đô thất thủ, quan các tỉnh Bắc Kỳ đều họp tại Hà Nội, hai ông Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình cho rằng sự việc gây nên tại quyền thần chớ không phải là bổn ý của Nam triều. Hai ông cùng với ông Toàn quyền về kinh. Ngày đến cửa Thuận An thì sáng ấy Pháp đã đem ông Nguyễn Văn Tường, ông Phạm Thận Duật và cha ông Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đính xuống tàu đi biệt. Hai ông Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình vào kinh một mặt sức đình thần tựu chức lập tức, một mặt tâu Lưỡng cung lựa ngày làm lễ tấn tôn đức Đồng Khánh. Vừa tức vị rồi thì phụng chỉ của Lưỡng cung thăng ông Nguyễn Hữu Độ là Cần Chánh Điện Đại học sĩ, ông Phan Đình Bình là Văn Minh Điện Đại học sĩ, đều là Phụ chánh đại thần. Trong kinh lúc ấy mới yên, mà Nam Bắc bắt đầu khởi nghĩa...

SỰ BIẾN THẤT THỦ KINH ĐÔ HUẾ QUA TÁC PHẨM *CAI DƯ KỶ THỰC*

Giới thiệu

Cai dư kỷ thực là một tập ghi chép chuyện thực sau khi săn sóc mẹ của Phan Văn Huy, con đích trưởng của Phò mã Phan Văn Oánh và An Thường công chúa Nguyễn Phúc Lương Đức (1817-1891), hoàng nữ thứ tư của vua Minh Mạng. Phan Văn Huy đã ghi chép lại hành trạng cuộc đời của mẹ, từ năm ra đời cho đến khi được an táng. Tập này hiện chỉ còn lại bản dịch Quốc ngữ của Trần Tuấn Mẫn và Phan Văn Dật, gồm có 34 trang đánh máy trên giấy cỡ A4 (trong đó, Trần Tuấn Mẫn dịch từ trang 1 đến trang 18, từ trang 19 đến trang cuối là bản dịch của Phan Văn Dật), được bảo tồn tại phủ công chúa An Thường.

Qua việc ghi chép sự trạng của mẹ, Phan Văn Huy có mô tả những ngày lao đao của bà và các công chúa khác từ khi sự biến thất thủ kinh đô diễn ra, tình trạng hốt hoảng của một số hoàng thân, công chúa, việc phá hoại lăng vua Minh Mạng vì sự hoảng loạn của các viên hộ lăng và việc cướp bóc của dân tham tại lăng này. Đó là những dòng ghi chép hiếm hoi phản ảnh việc thất thủ kinh đô từ một góc độ riêng của một chứng nhân. Chúng tôi xin trích nguyên văn các trang dịch liên quan để bạn đọc rõ hơn về hậu quả của sự biến này. Tài liệu do nhà nghiên cứu Trần Đại Vinh cung cấp - nhân đây chúng tôi xin chân thành cảm ơn. Các chú thích trong dấu ngoặc đơn và đánh số Ả Rập đặt cuối bài là của dịch giả. Các chú thích trong ngoặc vuông và cước chú theo thứ tự abc là của BBT tạp chí *NC&PT*.

CAI DƯ KỶ THỰC (trích)
LỜI LỆ
(gồm 10 điều)

1) Tập này gọi là *Cai dư kỷ thực*. Tại sao gọi như thế? Đấy là lấy ý trong *Kinh Thi*, thiên Nam Cai. DƯ, chỉ riêng sự việc thường mà thôi chứ không liên quan đến ý nghĩa tối định sáng tỉnh trong việc ân cần đón ý mẹ cha, nên gọi là DƯ. KỶ, là ghi chép theo năm. THỰC, là không dám thiếu sót, thêm hờ một tơ hào nào cả. Nếu bảo rằng sự việc xảy ra trước khi Huy sinh ra sao gọi là thực được thì xin đáp rằng Huy tuy sinh muộn về sau nhưng may mắn thực nghe chuyện thực của các nội quan cung nữ cùng các tiên nhân rồi khi Huy lớn lên thì những điều Huy thực biết, thực thấy đều ghi chép lại cái thực ấy, há bảo rằng không thực ư? Cho nên do như thế mà gọi là ***Cai dư kỷ thực***.

2) Đầu tập này chép bài Tự, sau đó là bài Tán về tượng ảnh rồi cứ theo thứ tự niên kỷ trước sau mà nêu lên thứ tự trước sau của nhân phẩm. Bài Tự này là do Cẩm quốc công[a] soạn. Khi công sắp mất, có bảo người con trai đem bài Tự này ra, như thế thực đủ biết rằng công cũng lưu tâm đến tập này vậy. Còn bài Tán về tượng ảnh là Đệ nhất Phụ chánh Thân thần Tuy Lý Vương[b] soạn, cho nên, đây cũng là thực lục chứ chẳng phải những lời trau chuốt nịnh nọt nào khác có thể bì sánh được. Do đó mà cứ kính cẩn ghi lại. Còn bài Lệ này lại được đặt trước các thiên là để cho người sau mở sách ra khỏi phải lầm lẫn vậy.

3) Tập này khởi ghi từ năm Đinh Sửu[1] (năm Gia Long thứ 16, năm đản sinh của mẹ). Từ đó về sau năm can, chi đều có chua thêm niên hiệu để tiện việc tra duyệt.

4) Các sự việc ghi chép trong tập này đều là những sự việc vượt ngoài tầm thường, đến như lúc ở trong cung thì nhân vua vui mà hỏi han về giấc ngủ; lúc về nhà chồng thì kính nhau như khách; thờ mẹ chồng đến tận lễ; lúc tết nhất thì lui tới cung hầu, cùng anh em, chị em chuyện trò, ngoạn cảnh; cùng chồng dạy con thì lấy nghiêm chỉnh; huấn trị kẻ dưới thì dùng khoan thứ; xử sự trong nhà thì lấy cần kiệm; đối đãi sự vật thì lấy lòng nhân. Một nơi, một im đều thực là đáng ghi chép; nhưng vì Huy tư chất yếu đuối, khó có thể đủ dịp hầu hạ nên chỉ ghi chép lại sơ lược mà thôi.

5) Khi ghi chép về việc vua ban thưởng, tập này chỉ ghi chép những thứ ân thưởng đặc biệt chứ không ghi chép các ân thưởng chung. Chỉ riêng vào năm Thành Thái thứ 2,[2] tiền bạc ân thưởng chung vì có sự truy tiên[c] nên cũng được ghi chép vào đây.

6) Tập này có chỗ ghi rõ ràng, có chỗ ghi sơ lược vì chỗ nghe, chỗ thấy có chỗ rõ ràng, có chỗ sơ lược không đồng đều, cho nên cứ một mực theo sự thực mà ghi chứ không dám riêng tán một lời nào.

7) Tập này có ghi chép việc nghi hiềm về lỗi lầm (của mẹ) trong việc riêng gọi nữ đồng cốt.[d] Nếu có kẻ nói với Huy rằng cha che giấu cho con, con che giấu

---

[a] Cẩm quốc công Nguyễn Phúc Miên Ký (1838-1881), hoàng tử thứ 75 của vua Minh Mạng.

[b] Tuy Lý Vương Nguyễn Phúc Miên Trinh (1820-1897), hoàng tử thứ 11 của vua Minh Mạng.

[c] Tháng 9 năm Thành Thái thứ 2 (1890), công chúa An Thường được lãnh 100 lượng bạc để mời chư tăng thọ trai truy dâng các vị hoàng tử, hoàng nữ, vương công, công chúa đã quá cố của vua Minh Mạng. Theo *Cai dư kỷ thực*, bản dịch, trang 28.

[d] Năm Minh Mạng thứ 19 (1838), vì thương nhớ người mẹ mới qua đời, An Thường công chúa cho gọi nữ đồng cốt tên Thị Hoạch vào cung làm lễ gọi hồn. Sự việc bị phát giác, bà bị cách tước vị mất mấy tháng. *Cai dư kỷ thực*, bản dịch, trang 10-11.

cho cha, còn riêng Huy lại chẳng che giấu gì cả; thì xin đáp rằng gia mẫu từ trước đến nay từng làm những gì mọi người đều thấy, đều nghe, nếu có chút che giấu nào, e chẳng thể gọi là thực được; cho nên cứ theo sự thực mà ghi chép. Người ta chẳng phải là Nghiêu, Thuấn, làm sao mà sự việc gì cũng hoàn toàn tốt đẹp được. Bậc thức giả lượng thứ cho!

8) Tập này trước hết ghi năm, thứ đến ghi tháng, ghi sự việc. Phía dưới có chen lời kể đầu đuôi là muốn cho rõ mà thôi vậy.

9) Tập này có chỗ phía trên ghi năm nào, kế đó ghi mẹ bao nhiêu tuổi mà thôi chứ không ghi gì nữa. Đấy là vì năm ấy không có sự việc gì cả, nhưng lại không thể để trống, sợ mất đi ý nghĩa của việc ghi theo năm, cho nên ghi số tuổi cũng là nhằm theo đó để biết năm mà thôi.

10) Làm tập này là để mong khiến con cháu trăm đời có thể dùng làm bài học mà noi theo. Còn những ý hạnh tốt đẹp của gia mẫu đã được ghi trong cuốn *Quốc triều thực lục*, Huy há dám nêu ra nơi đây?

Con là Phan Văn Huy
chấp tay kính chép

.....

*** Ất Dậu (1885)**, trong năm này từ tháng 7 trở về trước thuộc về Hàm Nghi nguyên niên, từ tháng 8 về sau thuộc về Đồng Khánh Ất Dậu niên.

Ngày 23 tháng 5 mẹ cung ngộ điện Hiếu Tư[a] hầu ky, mẹ vào nhập thị trước, vừa có nghe biến. Hôm ấy ra khỏi thành lên ở trên Hiếu Lăng[27] thị trực, đến Đồng Khánh nguyên niên mới trở về phủ.

Trước đó, ngày 21, mẹ và các dì An Cát, Mậu Hòa, Cảm Đức, Bái Ân và Mỹ Duệ[b] nhập thị và ở lại. Đến khoảng sau canh ba đêm 22 nghe có biến động, ai nấy đều kinh hoàng, mẹ khóc nói: "Từ lâu ta đã biết thế nào cũng có ngày này, cho nên thường tâm nguyện vạn nhất có điều gì thì lên Hiếu Lăng chịu mục nát với cỏ cây mà thôi. Nay Hiếu Tư và Hiếu Lăng thì cũng đều có chữ hiếu, vậy chết ở đây cũng là đắc kỳ sở". Nói xong, tất cả cùng quỳ xuống bên cạnh long khám mà khóc rống lên, rồi [mẹ] xây lại nói với các dì rằng: "Bọn ta chết không có gì đáng tiếc, nhưng xã tắc thì sao? Chị muốn bói xem một quẻ để cho biết việc thiên cơ như thế nào mà định việc cát hung". Các dì đều đồng ý. Bèn cùng đi lại trước án, cúi đầu mật đảo. Đoạn mẹ cầm cái hộp đưa ngang mày, lắc lắc mấy cái rồi mở ra xem thì được một bài thơ sau:

"*Ngọc thố kim ô hải thượng phùng,*
Vân tùng long tắc hổ tùng phong.
Hứa đa giai thú sầu trung đắc,
Vật hí ngô đồng tiễn điệp phong."

---

[a] Điện này nằm tại cung Khánh Ninh, bên cầu Khánh Ninh, ngoại Hoàng Thành, tại sân bay Thành Nội. Đây là nhà thờ riêng của vua Minh Mạng. *Cai dư kỷ thực*, bản dịch, chú thích 26.

[b] Các hoàng nữ con vua Minh Mạng: An Cát công chúa Nguyễn Phúc Nhu Thục (1819-1886), hoàng nữ thứ 9; Mậu Hòa công chúa Nguyễn Phúc Gia Trinh (1823-1885), hoàng nữ thứ 15; Bái Ân công chúa Nguyễn Phúc Lương Trinh (1830-1891), hoàng nữ thứ 36; Mỹ Duệ công chúa Nguyễn Phúc Hòa Nhàn (1835-1912), hoàng nữ thứ 48. Riêng tước hiệu Cảm Đức chúng tôi chưa xác định được. Trong tước hiệu của các công chúa con vua Minh Mạng có chữ "Đức", chỉ có Quy Đức công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh (1824-1892); Hàm Đức công chúa Nguyễn Phúc Thục Thận (1825-1907); Triêm Đức công chúa Nguyễn Phúc Trang Nhàn (1825-1892); Lại Đức công chúa Nguyễn Phúc Trinh Thận (1826-1904).

Dịch nghĩa:

Thỏ ngọc quạ vàng gặp nhau trên biển,
Mây theo rồng át cọp theo gió.
Cho nhiều thú vui giữa lúc lo buồn,
Chớ đùa lấy lá ngô đồng mà gói.

Bèn bái lạy mà lui.

Cầm [bài thơ] lên đọc đi đọc lại ba bốn lần vẫn không hiểu ra sao cả, nhưng có câu thứ ba đại ý tốt, trong cái dữ có cái lành, tuy vậy vẫn lấy làm kinh nghi không yên. Bèn cùng ngồi xúm lại một góc, vừa khóc vừa đảo. Mẹ liền tự nguyện khấn nhờ trời đất và xã tắc linh thiêng bảo hộ cho nước nhà được an lành thì thần là Lương Đức xin cắt tóc và đem hết tóc da để báo đền. Nói xong liền ngã ra hôn mê. Chợt nghe các tôn nữ phụng trực la ó lên rằng: Ngự giá đã phụng rước Tam cung từ hồi canh năm ra khỏi thành để đi Quảng Trị, hôm nay vận nước nghiêng ngửa, bọn Tây bổ ra cướp bóc đến nơi, các công chúa không lo sớm chạy mà còn ngồi đó sao? Các dì sợ quá bèn đến kéo mẹ rủ chạy. Mẹ nói: "Chị ở đây là đắc kỳ sở rồi, còn chạy đi đâu nữa?". Các dì khuyên mãi vẫn không nghe. Một lát, các tôn nữ lại đến khóc và nói rằng vì các [công] chúa còn đó chúng tôi không nỡ bỏ đi, nếu mà ở lại đây thì không những chết đã vô ích mà cha mẹ chúng ta cũng không biết chúng ta ở đâu, còn mất thế nào. Huống chi chết thì chưa chết nhưng chỉ sợ bọn giặc làm ô uế tấm thân thì mới biết làm sao đây? Đến lúc đó có hối cũng muộn rồi. Mẹ nghe nói liền kinh sợ và vỡ lẽ, bèn rút trong tráp ra lấy mấy bản kinh nhỏ gồm bảy quyển phân phát cho mấy dì mỗi người một quyển để giắt vào trong mình làm kế hộ thân. Rồi cùng nhau lạy chào ra đi, vừa đi vừa khóc, không biết là đi đâu. Lúc ấy vào khoảng giờ Thân, ai nấy cùng ra cửa Tây Bắc (tức cửa An Hòa). Đến An Hòa thì trời đã chiều tối. Đường đi quanh co khúc khuỷu không biết nên đi hướng nào. Mỏi rã quá bèn cùng ôm nhau mà khóc. Mới bèn cùng nhau thà cứ đi theo đường cái quan đến nơi hành tại. Mẹ nói: Ta già rồi, sợ chân đi không nổi, huống chi các em cũng đều là đàn bà hết, đường dài thật đáng lo ngại. Chợt nhớ ra có Đa Lộc công chúa[b] ở tại An Ninh, đến đó tưởng không xa lắm, hay là cứ thử đến đó nghỉ lại một đêm cho khỏi phơi sương gió, sáng mai hoặc đến nơi hành tại, hoặc đi lên Hiếu Lăng, bề nào cũng được. Đã có chủ ý như thế rồi, bèn nương tựa nhau mà đi lần, chầm chậm. Nhìn lại Hoàng Thành, thấy lửa cháy rực trời, lòng đau khôn xiết. Vừa hết canh một thì đã đến phủ công chúa Đa Lộc, nhưng dì này lại đi vắng, chỉ có ông chồng là Phò mã họ Hồ ở nhà. Đến đây ai nấy đã mệt nhoài, lại vừa đói vừa khát, chỉ ngồi chờ cho đến sáng. Hôm đó là ngày 24, cùng nhau thuê một chiếc đò nhỏ để đi lên Nguyệt Biều. Bấy giờ các tôn nữ đều đã phân tán mỗi người một ngả, chỉ còn mẹ và các dì cùng đi. Đến Hướng Sơn ngụ quán[c] nghỉ chân và bàn tính việc đi lên lăng. Vừa gặp dì Phú Mỹ[d] đã đến đây trước mới đem cơm và nước trà ra cho ai nấy cùng ăn. Tiếp đó Huy cũng vừa đến, thấy mẹ

---

[a] Tức ba bà Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu (vợ vua Thiệu Trị), Lệ Thiên Anh Hoàng hậu (vợ chính vua Tự Đức và Học phi (vợ thứ vua Tự Đức).

[b] Đa Lộc công chúa Nguyễn Phúc Nhu Hòa (1836-1929), hoàng nữ thứ 52 của vua Minh Mạng, chồng là Phò mã Đô úy Hồ Hoàn.

[c] Tháng 7 năm Tự Đức thứ 36 (1883), tại cửa Thuận An có biến, An Thường công chúa đưa gia quyến lên ngụ tại Nguyệt Biều, trước nhà treo tấm biển đề mấy chữ "Hướng Sơn ngụ quán". *Cai dư kỷ thực*, bản dịch, trang 19.

[d] Phú Mỹ công chúa Nguyễn Phúc Đoan Trinh (1821-1899), hoàng nữ thứ 11 của vua Minh Mạng.

liền khóc lạy thỉnh an, mừng tủi giao nhau không nói hết. Thăm hỏi nhau xong, liền cùng nghỉ ngơi một lát.

Trước đó Huy ở nhà, tại vườn Khước Tân,[a] hoảng hốt không biết tính sao. Bèn nhờ ông Nguyễn Hữu... [chữ bị nhòe], thư lại Ty Hành Nhơn đem Huy vào thành, nếu được gặp mẹ thì xin đem cả cư đệ này biếu ông ta để tạ ơn, xong làm giấy, đóng triện riêng, giao cho ông ta để làm bằng. Rồi cả hai cùng đi. Không ngờ quân Pháp canh phòng nghiêm ngặt lắm, hai người bàn tính với nhau cả ngày mà không làm sao vào thành được. Hôm đó là ngày 23. Đợi đến ngày 24, khi trời chưa sáng, Huy cùng người đầy tớ là cụ Quyền, mang theo cơm nước, cau trầu, thuốc hút mọi thứ gói chung vào một khăn gói để đem dâng mẹ. Cả hai cùng lên nhà thờ Đạo Kim Long mong chờ viên Giám mục tính cách cho vào thành tìm mẹ. Nhưng vừa đến bến đò thì gặp Phò mã họ Hồ, chồng công chúa Đa Lộc đang trên đường đi tìm vợ, thấy Huy thì mừng rỡ bảo cho biết mẹ cùng quý vị công chúa đang đêm có ghé phủ Phò mã, nay đã thuê đò lên Nguyệt Biều rồi, cháu chớ qua sông làm gì, mà nên đi theo đường bộ gấp, sẽ được an lòng. Nghe tin ấy, Huy quá đỗi mừng, lập tức đi đến Hướng Sơn ngụ quán thì được thấy mẹ và các dì bình yên vô sự.

Một lát chi, bỗng nghe tin báo Lạc quốc công ở tại nhà ông Tôn Thất Cự nhất định đòi tuẫn tiết nhiều phen, ông Cự hai ba lần khuyên giải và can gián vẫn không nghe. Mẹ liền bảo Huy qua khuyên giải và mời cùng đi lên lăng để nghe ngóng tình hình, đến đó có chết cũng chưa muộn. Vừa nghe tin có Thọ Xuân Vương[b] và các vị đại thần đang thương nghị chiêu an và sai phái các quan đi rước từ giá về cung. Nghe có tin như vậy nhưng chưa rõ thực hư. Mẹ bèn sai Huy và hai con của Huy là Thiều và Khanh lúc ấy vừa đến, mượn đò của Tôn Thất Côn để mẹ cùng Lạc quốc công, Mậu Hòa, Bái Ân hai dì chèo lên bến đò An Bằng. Vừa bước đến cửa Tả Hồng [Hiếu Lăng, tức lăng vua Minh Mạng] đã thấy cửa mở rộng, ai nấy đều thất kinh nhìn nhau. Lại thấy một người thất thểu từ trong đi ra, mọi người bèn đến cật vấn, y bẩm rằng y là thủ hộ Suất đội Đoàn Văn Khuê, hôm trước (tức ngày 24), các viên Chánh, Phó Hộ sứ liệu thế không êm, định đem quy trí các hạng vàng ngọc vào một nơi, còn áo ngự bằng gấm vóc thì đem đốt đi? Không ngờ bọn dân bất trị ở chung quanh trông thấy ngọn lửa liền phá cửa vào cướp bóc, quan binh đều bỏ chạy trốn hết? Chỉ có kẻ hèn này không dám bỏ đi xa, ráng nhịn đói để chờ xem tin tức, nếu các ngài không tin xin cứ vào trong mà xem thì biết. Nói xong liền bỏ trốn mất.

Mẹ liền cùng Lạc quốc công, Mậu Hòa, Bái Ân hai dì vào điện Sùng Ân thì không thấy ai hết, chỉ thấy bao nhiêu đồ thờ bằng pha lê bị đập vỡ nát từng mảnh, bừa bãi khắp nơi, mà trên nền điện lại càng nhiều hơn. Ai nấy đều lấy khăn tay bọc bàn chân lại mà đi vào, nhưng vẫn không thấy một cung nhân hay nữ quan nào cả. Đoạn cùng vào bửu thành vọng bái, hôm đó là ngày 25.

Rạng ngày hôm sau mới thấy Phó sứ Tôn Thất Lữ cùng Quản vệ Tôn Thất Nghiêm, Phạm Hữu Nghị, Suất đội Nguyễn Văn Quát cùng tới chịu tội. Chỉ có viên Chánh sứ Tôn Thất Cơ thác bệnh không đến. Chẳng biết làm sao, các vị liền bảo bọn Phạm Hữu Nghị dọn dẹp lại cho sạch sẽ. Đêm đến chẳng có đèn,

---

[a] Phủ đệ của An Thường công chúa, lập năm 1851 ở ven bờ sông Thiên Lộc, ấp Xuân An, phía nam Kinh Thành. *Cai dư kỷ thực*, bản dịch, trang 14.

[b] Thọ Xuân Vương Nguyễn Phúc Miên Định (1810-1886), hoàng tử thứ 3 của vua Minh Mạng.

mẹ bèn sai con hầu ra ngoài xóm mua dầu về rồi xé vải nơi khăn mà thắp đèn cho qua đêm tối.

Lạc quốc công và Tôn Thất Lữ đi đò xuống Thương Bạc, mẹ nhờ hai người đem chuyện ở đây bẩm với Thọ Xuân Vương và các đại thần biết.

Từ đó, mẹ cứ ở lại đây để sớm khuya lo việc hương khói. Các cung nhân phụng trực và các tôn nữ cũng lục tục trở lại, bao nhiêu phí tổn tiêu dùng đều do mẹ chịu.

Đến ngày mồng 5 tháng 6 thì từ giá (tức Lưỡng cung Từ Dũ và Trang Ý) hồi loan. Mẹ mượn đò của quan Biện lý Bộ Lại là Tôn Thất Niêm đi xuống Nguyệt Biều quỳ đón và nghênh tiếp, rồi cùng theo từ giá đến Khiêm Cung (lăng Tự Đức). Đêm ấy không vào được nên phải quay về Hướng Sơn ngụ quán để chờ ngày hôm sau trở lại Khiêm Cung bái yết thỉnh an và tâu rõ tình hình trên Hiếu Lăng, xin cho đồ thờ khác để cho khỏi cảnh thê lương. Nhân tiện cũng tâu xin phép cắt tóc như sở nguyện. Tất cả đều được y tấu. Đoạn bái tạ mà lui, lại biến báo cho các cậu dì ai có vật gì tốt và thanh khiết thì hãy vui lòng dâng lên để thay thế những đồ thờ bị phá hủy, chờ đến khi nào mọi việc đâu vào đó thì sẽ giao hoàn của ai trả về nấy.

Bấy giờ Tuấn quốc công[a] dâng một đôi bình hoa. Lạc quốc công dâng một quả trầu bằng bạc và ngà voi, một giá bát kim thủy và bát gỗ thếp vàng. Kiến Phong quận công[b] dâng một cây đèn bằng pha lê có tua. An Cát công chúa dâng một cái thau bằng pháp lam để trên giá thếp vàng. Bái Ân công chúa dâng đũa bằng ngà voi. Còn thiếu những gì đều do mẹ lo liệu. Cho đến cả giấy vàng bạc, rượu, hương, cau trầu, quả phẩm các thứ mẹ đều lo chu tất. Tiếp đó, các cậu các dì khi đến khi đi, chỉ có mẹ là ở lại luôn tại đây mà thôi.

Đến này 12 tháng 8 [Ất Dậu], vua [Đồng Khánh] tức vị, mới sai Lạc quốc công cùng Tham tri Bộ Lễ là Lương Thành đi đến các tôn lăng kiểm điểm các đồ vật, sau lại sai các quan phúc kiểm một lần nữa để xem cần những vật gì. Mẹ cũng kê khai một bản nhờ Gia Thọ cung tâu xin.

Qua Đồng Khánh nguyên niên [1886] mẹ mới trở về phủ đệ. Tuy vậy, hễ đến ngày sóc vọng hay lễ tiết thì lại lên hầu...

CHÚ THÍCH

(1) Tức năm 1817.

(2) Tức năm Canh Dần, 1890.

(27) Hiếu Lăng tức lăng vua Minh Mạng. Lăng bà vợ chính của vua cũng gọi là Hiếu Đông.

(Trích *Cai dư kỷ thực*, người dịch Trần Tuấn Mẫn và Phan Văn Dật, bản đánh máy, các trang: 1-3, 20-25 và phần chú thích).

---

[a] Đây có lẽ là *Tuân* quốc công Nguyễn Phúc Miên Trữ (1820-1890), hoàng tử thứ 13 của vua Minh Mạng, bản dịch đánh máy nhầm chăng?

[b] Kiến Phong quận công Nguyễn Phúc Miên Hoang (1836-1888), hoàng tử thứ 72 của vua Minh Mạng.